

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1681/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tiết kiệm chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2021
của ngân sách địa phương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với sở, ban, ngành tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với các huyện, thành phố.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 295/TTr-STC ngày 05 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiết kiệm chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2021 của ngân sách địa phương. Cụ thể như sau:



1. Tổng kinh phí tiết kiệm chi: 117.675 triệu đồng (một trăm mười bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chi tiết kinh phí tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ số kinh phí tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị theo phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định sử dụng số kinh phí tiết kiệm tại Quyết định này theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thực hiện tiết kiệm chi ngân sách theo phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *uuo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chín



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**THẺ KIỂM CHI THƯỜNG XUYÊN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021 CỦA NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1681 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
1	2	3
TỔNG CỘNG		117.675
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH	50.184
1	Sở Công Thương	408
a)	Chi quản lý hành chính	206
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	59
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	147
b)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	10
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	5
d)	Chi sự nghiệp kinh tế	187
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	20
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	167
2	Sở Khoa học và Công nghệ	65
a)	Chi quản lý hành chính	58
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	41
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	17
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	7
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	7
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.575
a)	Chi quản lý hành chính	97
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	66
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	31
b)	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	710
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	203
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	507
c)	Chi sự nghiệp đào tạo	717
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	151



Nội dung		Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	566
d)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	51
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	278
a)	Chi quản lý hành chính	162
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	65
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	97
b)	Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ	116
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	2.998
a)	Chi quản lý hành chính	153
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	87
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	66
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	2.051
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	51
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	2.000
c)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	766
d)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	28
6	Sở Tài chính	525
a)	Chi quản lý hành chính	242
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	102
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	140
b)	Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ	283
7	Sở Tư pháp	404
a)	Chi quản lý hành chính	57
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	54
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	3
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	282
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	24
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	258
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	65
8	Sở Văn hóa và Thể thao	1.164
a)	Chi quản lý hành chính	60
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	53
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	7
b)	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao	1.104
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	165
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	939
9	Sở Du lịch	523
a)	Chi quản lý hành chính	42



	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	36
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	6
b)	Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ	467
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	14
10	Sở Y tế	4.379
a)	Chi quản lý hành chính	127
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	82
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	45
b)	Chi sự nghiệp y tế	4.052
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	431
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	3.621
c)	Môi trường không tự chủ	200
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.389
a)	Chi quản lý hành chính	74
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	74
b)	Chi sự nghiệp giáo dục	4.026
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	3.298
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	728
c)	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	289
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.261
a)	Chi quản lý hành chính	352
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	347
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	5
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	5.664
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	655
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	5.009
c)	Môi trường không tự chủ	70
d)	Thường xuyên khác không tự chủ	175
13	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	9
	Chi quản lý hành chính	9
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	9
14	Sở Xây dựng	195
a)	Chi quản lý hành chính	188
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	60
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	128
b)	Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ	7
15	Sở Giao thông vận tải	4.516



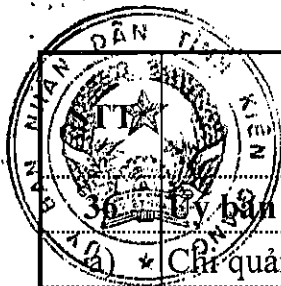
	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	Chi quản lý hành chính	125
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	125
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	4.169
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	25
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	4.144
c)	Chi Trung ương bổ sung có mục tiêu	222
16	Ban An toàn giao thông	21
a)	Chi quản lý hành chính	6
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	6
b)	Chi Trung ương bổ sung có mục tiêu	15
17	Sở Nội vụ	2.189
a)	Chi quản lý hành chính	295
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	88
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	207
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	231
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	5
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	226
c)	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	185
d)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	1.478
18	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	743
a)	Chi quản lý hành chính	641
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	85
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	556
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	102
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	32
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	70
19	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	784
	Chi quản lý hành chính	784
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	36
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	748
20	Thanh tra tỉnh	84
	Chi quản lý hành chính	84
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	56
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	28
21	Ban Dân tộc	519
a)	Chi quản lý hành chính	78



Nội dung		Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	23
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	55
b)	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	126
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	182
d)	Chi Trung ương bổ sung có mục tiêu	133
22	Sở Thông tin và Truyền thông	319
a)	Chi quản lý hành chính	70
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	35
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	35
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	184
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	12
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	172
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	65
23	Sở Ngoại vụ	127
	Chi quản lý hành chính	127
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	34
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	93
24	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	188
	Chi quản lý hành chính	188
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	42
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	146
25	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	392
a)	Chi quản lý hành chính	98
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	35
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	63
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	288
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	24
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	264
c)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	6
26	Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch	2.866
	Chi sự nghiệp kinh tế	2.866
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	26
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	2.840
27	Vườn Quốc gia Phú Quốc	360
a)	Chi sự nghiệp kinh tế	294
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	129
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	165



	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	66
28	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	255
a)	Chi sự nghiệp kinh tế	217
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	54
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	163
b)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	16
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	22
29	Trường Cao đẳng Kiên Giang	146
	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	146
30	Trường Cao đẳng Nghề	662
	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	662
31	Trường Cao đẳng Y tế	49
	Chi sự nghiệp đào tạo tự chủ	49
32	Trường Cao đẳng Sư phạm	95
	Chi sự nghiệp đào tạo	95
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	81
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	14
33	Trường Chính trị	1.586
	Chi sự nghiệp đào tạo	1.586
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	52
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	1.534
34	Tỉnh đoàn	808
a)	Chi quản lý hành chính	407
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	45
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	362
b)	Chi sự nghiệp kinh tế	359
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	18
	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	341
b)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	8
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	34
35	Hội Cựu Chiến binh	211
a)	Chi quản lý hành chính	151
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	19
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	132
b)	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	31
c)	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	10
d)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	19



Nội dung		Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
36 Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh		776
a) Chi quản lý hành chính		491
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		29
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		462
b) Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ		59
c) Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ		164
d) Chi thường xuyên khác không tự chủ		62
37 Hội Nông dân		458
a) Chi quản lý hành chính		37
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		28
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		9
b) Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ		383
c) Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ		4
d) Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ		12
đ) Chi thường xuyên khác không tự chủ		22
38 Hội Liên hiệp Phụ nữ		297
a) Chi quản lý hành chính		256
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		31
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		225
b) Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ		25
c) Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ		5
d) Chi thường xuyên khác không tự chủ		11
39 Liên minh Hợp tác xã		136
a) Chi quản lý hành chính		88
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		23
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		65
b) Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ		40
c) Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ		8
40 Liên hiệp Các hội Khoa học kỹ thuật		21
a) Chi quản lý hành chính		11
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		7
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		4
b) Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ		10
41 Hội Nhà báo		30
Chi quản lý hành chính		30
<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>		7
<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>		23
42 Hội Văn học nghệ thuật		99



	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	Chi quản lý hành chính	99
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	13
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	86
43	Hội Chữ thập đỏ	186
a)	Chi quản lý hành chính	180
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	26
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	154
b)	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	6
44	Hội Đông y	6
	Chi quản lý hành chính	6
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	6
45	Hội Luật gia	160
a)	Chi quản lý hành chính	20
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	6
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	14
b)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	140
46	Liên hiệp Các Tổ chức hữu nghị	83
a)	Chi quản lý hành chính	40
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	18
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	22
b)	Chi sự nghiệp kinh tế không tự chủ	25
c)	Chi thường xuyên khác không tự chủ	18
47	Hội Người cao tuổi	282
	Chi quản lý hành chính	282
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	6
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	276
48	Hội Nạn nhân chất độc Da Cam/Dioxin	52
	Chi quản lý hành chính	52
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	3
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	49
49	Hội Khuyến học	13
	Chi quản lý hành chính	13
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	4
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	9
50	Văn phòng Tỉnh ủy	2.112
	Chi quản lý hành chính	2.112
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	409
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.703
51	Công an tỉnh	1.917
	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	180



	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm thêm
	Chi sự nghiệp môi trường không tự chủ	40
	Chi an ninh không tự chủ	1.697
52	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2.035
	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	449
	Chi sự nghiệp quốc phòng không tự chủ	1.586
53	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	1.428
	Chi sự nghiệp quốc phòng không tự chủ	1.310
	Chi sự nghiệp đào tạo không tự chủ	64
	Chi thường xuyên khác không tự chủ	54
II	NGUỒN TẬP TRUNG CHƯA PHÂN BỐ	28.275
III	NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ	39.216
1	Rạch Giá	4.248
2	Hà Tiên	2.054
3	Châu Thành	3.090
4	Tân Hiệp	3.781
5	Giồng Riềng	3.362
6	Gò Quao	2.826
7	An Biên	1.795
8	An Minh	1.968
9	Vĩnh Thuận	2.368
10	U Minh Thượng	2.083
11	Hòn Đất	2.439
12	Kiên Lương	1.714
13	Giang Thành	1.602
14	Phú Quốc	4.564
15	Kiên Hải	1.322

Ghi chú: đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh số cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước là 20.576 triệu đồng, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại là 29.608 triệu đồng.